

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 09/2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 28-9-2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Cường

2. Ông Phùng Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, Tại Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/QĐXX-ST ngày 18/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST – HNGĐ ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phan Thu H, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

* Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2020 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì chị Phan Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Văn N kết hôn với nhau từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị không hạnh phúc do anh N thường uống rượu, đánh đập vợ và ham chơi bài bạc không chăm lo cuộc sống gia đình. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh N và không thể tiếp tục sống chung với anh được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung là Trần Phan Minh H1, sinh ngày 07/11/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Văn N trình bày tại bản tự khai:

- Về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý ly hôn với chị Phan Thu H.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Phan Minh H1, sinh ngày 07/11/2016. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

*Tại phiên tòa anh N vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án như sau:

+ Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H đề ngày 17/6/2020.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh N; Về con chung: Giao con là Trần Phan Minh H1, sinh ngày 07/11/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kiến nghị của các đương sự và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thu H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn N, trú tại: thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đây là vụ kiện tranh chấp “ Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt anh N.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thu H và anh Trần Văn N có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn từ năm 2015 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chị H, anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không mang lại kết quả và hạnh phúc cho nhau. Trên cơ sở đó chị H yêu cầu ly hôn với anh N, quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N không tham gia hòa giải, mặc dù anh trình bày tại bản tự khai là đồng ý ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do, đồng thời không có ý kiến gì về vấn đề ly hôn nhân của mình. Xét thấy cuộc sống vợ chồng chị H không mang lại hạnh phúc và lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 người con chung là Trần Phan Minh H1, sinh ngày 07/11/2016. Hiện tại, vợ chồng chị H không sống chung với nhau, tuy nhiên con chung của anh chị còn nhỏ chưa có ý thức về việc sẽ sống với ba hay với mẹ. Nhận thấy

quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H và anh N đều yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Qua xác minh tại địa phương nhận thấy anh N thường xuyên uống rượu, không có nghề nghiệp ổn định và thu nhập. Bên cạnh đó, chị H phải đi làm thuê để lo cho con và phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do vậy, nhằm bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ vốn được pháp luật bảo vệ và đảm bảo sự ổn định của con cũng như đảm bảo các điều kiện phát triển mọi mặt cho con nên cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Vợ chồng chị H không nợ ai.

[3] Án phí: Chị Phan Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 150, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thu H đề ngày 17/6/2020.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thu H được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao con là Trần Phan Minh H1, sinh ngày 07/11/2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

(Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình).

3. Về án phí: Chị Phan Thu H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009928 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Thi hành án;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Điểm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Cường Phùng Minh Đức

Nguyễn Thị Mỹ Diễm